

SỬ LIỆU HỌC PHÁP VÀ ĐIỆN BIÊN PHỦ NỬA THẾ KỶ SƯU TÂM VÀ TRANH LUẬN (*)

Alain Ruscio (**)

I. Sản xuất bội thu

Trong 50 năm qua tôi đã có tổng số 73 công trình của 65 tác giả. Nếu cần có một tỷ lệ toán học, ta sẽ thấy mỗi năm có 1,46 đầu sách ra đời.

Công trình đầu tiên về Điện Biên Phủ xuất hiện vào thời gian nào?. Cuốn "SOS Bắc Kỳ" của Roger Delpy [2] in xong ngày 26-6-1954, 50 ngày sau khi Điện Biên Phủ thất thủ. Nhưng cũng không thể nói rằng đó là một cuốn sách về Điện Biên Phủ, nhất là các trang viết thêm vào lúc cuối. Trái lại tờ *L' Epress* ra ngày 26-6-1954 đã giới thiệu với bạn đọc một công trình chuyên sâu của Lucien Bornet có nhan đề "Điện Biên Phủ - thành tri của vinh quang". Cuối cùng

vào tháng 10 ra đời một công trình được coi như cuốn sách đầu tiên do một người thoát nạn của cứ điểm Điện Biên Phủ viết, Thiếu tá - bác sỹ Grawrin: *Tôi đã là thầy thuốc ở Điện Biên Phủ*.

Rồi sau đó không lâu, trước kỷ niệm lần-thứ nhất Điện Biên Phủ, nhiều nhan đề sách ra mắt: 11 công trình tất cả, một khối lượng cũng bình thường. Ở đây là sự gặp gỡ của 3 ý muốn: những nhân chứng đầu tiên muốn nói, công chúng muốn hiểu biết... và không loại trừ một vài nhà xuất bản muốn kiếm lợi!

Trong những năm tiếp theo, người ta có thể nói đến một tốc độ bình thường, hầu như tất cả trong các năm đều có một công trình xuất bản.

Thời kỳ	Số công trình xuất hiện	Trung bình/ năm
1954 - 1955 (18 tháng)	11	7.3
1956-1959	5	1.25
Thập niên 1960	11	1.1
Thập niên 1970	11	1.1
Thập niên 1980	5	0.5
Thập niên 1990	23	2.3
2000 -2003	5	1.25

Có thể trước hết nêu ra hai cao điểm. Kỷ niệm 10 năm trận đánh là cơ hội cho

hàng loạt ấn phẩm: năm 1963, Jules Roy với *Trận đánh Điện Biên Phủ* là cung

(*) Tham luận tại Hội thảo "Trận Điện Biên Phủ - giữa lịch sử và hồi tưởng", Paris, 21-22/11/2003

(**) Tiến sĩ Sử học, Chủ tịch Trung tâm Thông tin và Tư liệu về Việt Nam thời hiện đại (Pháp), tác giả nhiều công trình về Việt Nam trong đó có cuốn *Điện Biên Phủ - ảo ảnh cuối cùng*.

cấp cho công chúng một truyện kể tổng hợp đầu tiên. Trong những năm 1963-1965, còn xuất hiện cả những truyện kể của những người trong cuộc Ervan Bergot: *Lớp học thứ hai ở Điện Biên Phủ*; Pierre Langlais: *Điện Biên Phủ*; Jean Pouget: *Chúng tôi đã ở Điện Biên Phủ* và của Tổng chỉ huy cuối cùng của lực lượng viễn chinh là tướng Ely.

Trong những năm 90, do tín nhiệm của Việt Nam gắn với sự sụp đổ của bức tường Berlin, tiếp đó là chiến tranh vùng Vịnh, tạo nên một số ấn phẩm, nói chung là thù địch với Việt Minh. Trật tự đã đảo ngược: những kẻ bị thua trận hôm qua -

người phương Tây - kiến lập lại sự kiểm soát của họ trên thế giới. Những người chiến thắng trước kia - những người cộng sản, những người dân thuộc địa hay nửa thuộc địa - lại cảm thấy xấu hổ hoặc bất lực. Tướng Schmitt, một cựu binh Điện Biên Phủ trở thành Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, lại có một ý đồ tinh quái để nhắc tới điều đó khi đặt tên cho "*Hồi tưởng*" của ông ta là "*Từ Điện Biên Phủ đến Koweit City*" ngầm ý là "Từ phương Tây thất bại đến phương Tây chiến thắng".

Nếu bây giờ quan tâm đến nguồn gốc các tác giả, người ta có thể dẫn ra bảng kê sau đây:

Công trình được viết bởi	Tổng số	% so với tổng số
Quân nhân	46	63.00
Nhà báo	11	15.10
Nhà sử học	10	13.70
Nhà chính trị	4	5.5
Nhà văn, nhà thơ	11	15.10

Ghi chú: Đành rằng một số tác giả có thể xếp vào các hạng khác nhau như: Bernard Fall, Georges Chafard, Jules Roy là những người vừa có các công trình nhà báo và nhà sử học. Pierre Rocolle, là quân nhân và nhà sử học, và cũng xin nói là Piere Schoendoerffer, gốc là nhà binh, từ lâu đã là một nhà văn nổi tiếng...

1. Những nhà binh dài dòng

Qua số liệu trên có một điều nhận thấy được ngay: yếu tố nhà binh áp đảo trong số tác giả các sách. Gồm hai phần ba số sách là do các thành viên quân đội

Pháp viết, dù họ còn sống hoặc không còn khi các công trình được phát hành. Ngoài số lượng, còn có chất lượng của các chữ ký nổi tiếng: 3 Tổng chỉ huy cuối cùng theo thứ tự là Salan, Navarre và Ely, cũng đã tung ra *Hồi ký* của mình; của các sỹ quan lừng lẫy: Pierre Langlais, Marcel Bigeard, Jean Pouget; một phụ nữ và những người trong cuộc: Geneviève de Galard, Erwant Bergot, Roger Holeindre, Pierre Schoendoerffer... Tuy nhiên, có thể ghi nhận là không có một vài tên tuổi quan trọng: tướng Cogne, tướng de Castries...

Chúng ta sẽ tìm hiểu trong phần sau ý nghĩa của yếu tố nhà binh áp đảo này.

2. Những nhà chính trị mặc cảm

Sự mặc cảm này đã cắt đoạn một cách lạ kỳ và tàn nhẫn, với sự im lặng đầy ý nghĩa của các vai diễn chính trị của thảm kịch.

Đó là bài học thứ hai của bảng thống kê này. Có thể nói đó là một *sự im lặng đình tai*.

Bốn ấn phẩm trong năm mươi năm!

Nhà chính trị có trách nhiệm duy nhất đã cho ra mắt một công trình *đặc thù* về sự khủng hoảng trong mùa xuân 1954 là vị Chủ tịch Quốc hội cuối cùng thời chiến: Joseph Laniel. Hơn nữa, sản phẩm chính cống của nền đệ tứ Cộng hoà cũng không phải là một phép màu hơn hết. Lẽ ra, mặt khác, tướng Navarre trước đó đã phải cày vỡ cận thận để Chủ tịch Quốc hội quyết định trả lời.

Có thể bổ sung, xét cho đến cùng, những bài đả kích của Edouard Frédéric Dupont thuộc phái tán thành duy trì Đông Dương, trong phạm vi ảnh hưởng Pháp và công trình *Hồi tưởng* của nhà ngoại giao Jean Chauvet. Còn lại... một vài trang viết trong tác phẩm khái quát *Hồi tưởng* như của Georges Bidault [4] hay của Edgar Faure [3]. Nhưng không có một nhà lãnh đạo hàng đầu nào lại cầm bút để (thử?) giải thích một cách sâu sắc thái độ của mình khi Điện Biên Phủ sụp đổ. Cả René Mayer, người đã bổ nhiệm Navarre vào tháng 5-1953, năm ông ta vào cuộc chiến tranh mà không có chỉ dẫn cụ thể, cũng không cầm bút; cả

Paul Reynaud tuy là rất gắn bó với đường lối chính trị của Pháp ở Đông Dương trước cuộc khủng hoảng⁽¹⁾ cũng câm lặng một cách lạ kỳ tiếp đó, và cả René Pléven, Bộ trưởng Quốc phòng, người đã đặt chân lên Điện Biên Phủ nhưng cũng giữ miệng không công bố gì (ít nhất là trước công chúng). Kể cả Jean Letourneau, một trong những chính khách Pháp gắn bó vào bậc nhất với cố gắng chiến tranh của Pháp ở Đông Dương, cũng không có gì ở Marc Jacquet, Pierre de Cherigué, Maurice Schumann, Henri Queille đều là bộ trưởng, tổng trưởng trong các chính phủ Mayer hay Laniel...

Hiển nhiên rằng, sự im lặng khó chịu này vốn là chiến lược của truyền thông, như người ta nói ngày nay, cách làm được xem là tốt nhất bởi nhiều nhà chính trị.

Ta hiểu họ, vì có thể cũng chẳng có gì đáng tự hào được điều hành nước Pháp vào những năm từ 1947 đến 1954.

Tôi muốn kể vào đây một giai thoại. Tổng thống đầu tiên của cộng hoà thứ tư Vincent Auriol, có thói quen ghi chép tất cả những cuộc trao đổi của mình trong quá trình bảy năm ông ở điện Elysee. Tư liệu này, từ *Journal du Septennat*, *Nhật ký nhiệm kỳ 7 năm* đã công bố.

Ngày 17-4-1953, Ngài Tổng thống tiếp Paul Reynaud trong văn phòng của mình khi ông này vừa ở Đông Dương về. Đây là cuộc đối thoại của họ. Paul Reynaud: "*Tôi tin rằng đây là một tội ác chống nước Pháp nếu tiếp tục duy trì căn*

⁽¹⁾ Xin xem *Đặt Việt Nam trong chiến tranh*, Le Figaro, 31-3 và 1-4-1954

bệnh chảy máu này là cuộc chiến tranh Đông Dương". Vincent Auriol: "Tôi hoàn toàn đồng ý với ông"⁽²⁾. Auriol cũng đã viết rằng mình có lúc nghĩ tới việc ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ 2 nhưng cuối cùng ông đã không làm gì vì có nhiều mâu thuẫn về vấn đề Đông Dương.

"Tôi ác chống lại nước Pháp?". Từ ngữ này đã được hai trong số các nhân vật chính của Nhà nước dùng. Nó được áp dụng vào đường lối chính trị chính thức của nước Pháp suốt bảy năm. Ba tuần lễ sau, tướng Navarre được bổ nhiệm. Ngày 20 tháng 11 bắt đầu *Chiến dịch con hải ly*. Một năm sau, gần như là tính theo từng ngày, sau cuộc tranh cãi giữa Auriol và Reynaud, dưới lớp phủ tường điện Elyseé, người binh sỹ Pháp cuối cùng ở Điện Biên Phủ ngã xuống...

3. Những nhà báo tại mặt trận

Cuộc chiến Đông Dương đặc biệt được che dấu bởi các nhà báo, nhất là các nhà báo Pháp. Trong quá trình diễn ra trận đánh Điện Biên Phủ, những nhà báo chủ yếu có mặt ở Đông Dương là Lucien Bodart thường viết cho báo *France Soir*, Rober Guilain người gửi liên tiếp các phóng sự cho báo *Sud-Ouest* và báo *L'Aurore*, Max Olivier cho *Figaro*, Joel le Tac cho *Match*, Brigitte Friang cho *Indochine Sud-Est Asiatique*,... Ba trong số họ đã nhanh chóng xuất bản những cuốn sách lấy lại những phân tích của các phóng sự lúc đó: Rober Guilain từ 1954, Henri Amouroux và Brigitte Friang trong năm 1955.

Trái lại, tôi không lưu trữ trong tư liệu của mình, Lucien Bodart, nhà báo này không hề gọi lại Điện Biên Phủ trong cuốn truyện nổi tiếng của mình, cuốn *Cuộc chiến tranh Đông Dương*.

4. Không có nhiều nhà sử học

Những người khác, vốn là nhà báo, lại viết sách lịch sử. Đó là trường hợp của Georges Chaffard, của Philippe Devillers, của Jean Lacouture. Hai người sau đã đưa ra công chúng trong năm 1960 cuốn sách đầu tiên kể chuyện đầy đủ, có nhiều thông tin tốt lúc bấy giờ về cuộc khủng hoảng Xuân - Hè 1954.

Người ta sẽ còn ghi nhận sự ít quan tâm các công trình của các nhà sử học, được gọi là chuyên nghiệp, có nghĩa là của giới đại học về trận đánh nổi tiếng này. Nếu ta loại trừ bản Luận văn rất giá trị của Pierre Pocolle sẽ nói sau (nhưng Rocolle lại xuất thân từ quân đội, không phải từ trường đại học), ta chỉ có thể kể đến, trong số các sách giáo khoa lịch sử, cuộc hội thảo Pháp - Mỹ do Denise Artand và Lawrence Kaplan tổ chức cùng với các công trình của Jacques Dalloz và Alain Ruscio được công chúng biết tới.

5. Những nhà văn rụt rè

Sau cùng các nhà văn, đôi khi với một hạnh phúc không đều nhau, như chúng ta đã nhận thấy, đã gọi lên một trận đánh, hoặc sử dụng bối cảnh để dựng cốt truyện. Có thể kể cuốn rất hay và cảm động, *Trên cao*, của Pierre Schoendoerffer (trái lại với nhiều ý kiến đã nhận được, cốt truyện của cuốn *Đại*

⁽²⁾ Tập VII, năm 1954, Paris Armand Colin, 1980.

đội 317 nổi tiếng được tạo dựng vào tháng 5-1953); cuốn Marie Casse Croute của Edouard Axelarad, không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một trong những truyện hay nhất về chiến tranh; một cuốn truyện lạ kỳ do Philippe Declausse (một bút danh) đã tưởng tượng ra một chuyến trở lại Điện Biên của *Cựu chiến binh Đông Dương* để trả thù trong máu và trong cơn thịnh nộ của các bạn họ đã chết, đại loại như báo trước cuốn *Rambo II*, sau hết là cuốn *Ngọn đồi cuối cùng* của Régine Defuges.

Nhưng người ta cũng không xúc phạm bất cứ ai khi khẳng định rằng, mảng văn học lớn này đã chùng nào bỏ rơi Điện Biên Phủ.

II. Những đề tài được đề cập tới

1. Tâm quan trọng của thất bại

Sau Điện Biên Phủ, quân lính viễn chinh rút lui trên hai mặt trận khác, vào mùa xuân và đầu mùa hè 1954. Ở Trung bộ, trận phục kích bí thảm ở An Khê đã chặt đứt hoàn toàn đơn vị GM 100, chuyển quân nhanh chóng ra khỏi phía Nam đồng bằng sông Hồng, nơi cư ngụ chủ yếu của dân công giáo, trung thành với nước Pháp.

Trong những điều kiện này, người ta có quyền đặt câu hỏi: sau một loạt những thất bại ấy, việc theo đuổi cuộc chiến còn có khả năng hay không?

Cho đến ngày hôm nay, cũng khó mà có được một quan niệm dứt khoát. Tất nhiên là người chịu trách nhiệm chính về quân sự trong thời gian Điện Biên Phủ đã bảo vệ luận điểm rằng sau khi Điện

Biên Phủ sụp đổ, tình hình cũng chưa phải là thất vọng. Trong mọi tình hình như Navarre đã khẳng định trong cuốn sách, đã dẫn chứng, rằng: so sánh lực lượng đôi bên đã không nghiêng ngả một cách áp đảo trong mùa xuân 1954: "*Trái với những khẳng định của bộ máy tuyên truyền chính thống, đội quân viễn chinh không bao giờ bị hiểm nguy sau Điện Biên Phủ*". Ông đã đưa ra những chứng cứ. Đành rằng, chúng ta đã mất đi những người có chất lượng chiến đấu cao, nhưng đa số của quân ta vẫn còn kiểm soát chặt chẽ những vùng đông dân nhất của xứ này. Nước Lào đã được cứu thoát. Nhất là, theo Navarre nhận định, Tướng Giáp cũng vừa bị một vết cắt chảy máu không thể bình phục được. "*Vi vậy trên tổng thể của chiến trường Đông Dương, tình hình vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta. Chúng ta có những khó khăn tại chỗ nghiêm trọng, nhưng không có nguy hiểm nặng nề nào xuất hiện tức thì*".

Trái lại, hai nhà báo, nhân chứng đã viết bài trong thời gian ấy lại không mấy lạc quan. Nhan đề các sách viết của họ vang lên như một tiếng cồng: *Chấm dứt ảo ảnh* (Guillain) và *Cây thập tự ở Đông Dương* (Amuroux). Không ai, người này cũng như người kia, lại nêu lên được một dự đoán nào để có thể làm cho tin rằng, dù chỉ là một thời gian ngắn, một sự cải thiện tình hình có thể xảy ra theo họ, nói chung quân đội Pháp đang bị đe dọa: "*Điện Biên Phủ đã mang đến một đòn khủng khiếp cho quân đội ta. Tất cả đều phải làm lại*" Henri Amuroux viết. Robert Guillian khẳng định rằng, việc rút quân nhanh chóng ra khỏi toàn miền

Bắc Việt Nam là một vấn đề sống còn. “Điện Biên Phủ, trái với những lời bào chữa của các nhà chức trách, đã không có cách nào trong một thời gian ngắn cứu được vùng châu thổ mà ngược lại còn làm tăng thêm nỗi nguy cơ vì thiếu những đơn vị thiện chiến giữ nhiệm vụ những mũi giáo tấn công của đội quân viễn chinh”.

Đề cập tới việc rút khỏi vùng châu thổ vào tháng 6, Amouroux đã nói thật lòng: “Đã đến lúc rồi”. Những đồn bốt của vùng này đã trở thành “vô số Điện Biên Phủ nhỏ sống trong một thảm kịch của sự bao vây, vô vọng”. Còn về một cuộc tiếp sức có thể xảy ra của các lực lượng Bảo Đại, những nhà báo đã nói thẳng chằng cần giữ gìn ý tứ gì: “Bọn lính đánh thuê bị bọn quan lại, chỉ huy đó là quân đội Việt (ngụy)”, Amouroux viết. Ai đó còn tiếp: “Nếu ngày mai quân đội (ngụy) này phải đương đầu với Việt Minh, nó sẽ sụp đổ hoàn toàn”.

Phải chờ đến luận đề của đại tá Rocolle vào năm 1967, để có thể tìm được một sự đánh giá cân đối. Điện Biên Phủ là thất bại quân sự lớn thứ 2 của cuộc chiến sau sự thất bại trên đường số 4. Thất bại thứ 2 về mặt thời gian, nhưng lại vượt xa thất bại thứ nhất. Hầu như toàn bộ đất đai phía Bắc từ nay tuột khỏi chúng ta, chỉ còn một miếng nhỏ của vùng châu thổ quý giá. Tuy vậy, thất bại này có thể chưa phải là quyết định, nếu như bối cảnh chính trị Pháp và quốc tế đã khác đi. Một cố gắng giống như De Lattre đã đề nghị vào năm 1951 đã có thể thực hiện được. Nhưng với cái giá chính trị nào? Việc gọi bổ sung quân bấy

giờ là cần thiết. Với tất cả các hậu quả, ở chính quốc, mà ta tưởng tượng được. Công luận Pháp không sẵn sàng chấp nhận một cố gắng bổ sung cho một cuộc chiến tranh mà họ không hiểu (hoặc không hiểu hơn).

“Điện Biên Phủ, Đại tá Rocolle kết luận, đã trở thành một thời thúc cấp thiết để ngừng bắn, bởi vì ý chí tiếp tục cuộc chiến đã không còn nữa”.

2. Cuộc tìm kiếm những trách nhiệm

Cho đến gần đây, số lượng rất lớn các sách viết về Điện Biên Phủ có thể có được một nhan đề: “Lỗi tại ai?”. Có ở đây như một ám ảnh lan tràn khắp nơi. Cứ như là nhiệm vụ duy nhất của lịch sử là ban bố các lệnh khiển trách và khen ngợi.

Tất nhiên là không một ai lớn lên khi bước ra cuộc tranh cãi này.

Phái quân sự, những người liên quan đầu tiên, như ta đã thấy là những kẻ đầu tiên tự hỏi: “Chúng ta có đáng chê trách không? Chúng ta có làm mất đi những phẩm chất quân sự của cha ông không? Chúng ta có sai lầm không?”

Nhiều câu hỏi càng chất chứa lo âu vì công luận Pháp đã thờ ơ về Đông Dương trong quá trình cuộc chiến lại còn hiểu ít hơn đoạn cuối của thảm kịch. Chủ nghĩa chống quân phiệt sơ đẳng luôn luôn ngấm ngấm ở Pháp định giới thiệu Điện Biên Phủ như là một mẫu mực của sự ngu dốt của các sỹ quan Pháp mà những kẻ nối tiếp xứng đáng của Gamelin⁽³⁾ chiếm đa số. Quân nhân Pháp đã có cảm

⁽³⁾ Maurice Gamelin (1872-1958), vị tướng nổi tiếng của nước Pháp, chỉ huy liên quân Pháp - Anh từ tháng 9-1938 đến 1940.

nghe mình là nạn nhân của một bất công kép: không những người ta không cho họ những phương tiện để thắng cuộc chiến tranh này, nhưng khi thất bại đã tới thì người ta đặt họ lên ghế bị cáo. Trong năm 1954, *sự bất ổn định của quân đội*, theo công thức của Jean Planchais, đã có bước tiến. Sự bất ổn này sẽ thấy tuyệt đỉnh khi xảy ra chiến tranh Algeria.

Có nhiều, đã quá nhiều. Lần này, quân đội sẽ là tất cả, chỉ trừ tờ *Grande Mulette* ⁽⁴⁾.

Từ tháng 6-1954, không đầy một tháng sau Điện Biên Phủ, người viết lời đề tựa (ký bút danh) cuốn *Bắc kỳ cấp cứu* của Roger Delpey, đã cảnh báo công luận rằng lần này quân đội không còn để cho muốn làm gì thì làm nữa: "*Đội quân viễn chinh vừa mới bị quân Việt đánh cho thua, nhưng họ không xứng đáng với trận thua đó. Tôi đã đọc trên báo chí Pháp rằng, người ta sẽ truy tìm những người có trách nhiệm về những thảm họa Đông Dương. Đó chỉ là một sự lớn tiếng mà thôi! Tôi nghĩ rằng công việc này sẽ, vào một ngày nào đó, thuộc về những chiến binh Đông Dương (A.R nhấn mạnh) và nhất là những chiến binh Điện Biên Phủ. Cần phải làm cho người ta sẽ quyên với ý nghĩ rằng tờ Grande Mulette không muốn tòng phạm trong im lặng*" [2].

Thật vậy, ai trong số chính những quân nhân có thể bảo vệ danh dự của quân đội Pháp bị tấn công như vậy? Ai khác có thể chống lại những ý kiến đã được nêu lên? Một thế hệ những nhà văn

- chiến sỹ như Roger Delpey, Michel Tauriac, Pierr Schoendoerffer, Roger Holeindre, Erwan Bergot và nhiều người khác nữa, cảm thấy mình có một sứ mệnh: *trả lại niềm tự tôn cho những cựu chiến binh Đông Dương, khôi phục danh dự cho họ*. Vậy là những chân dung luôn luôn đối lập với một vài chính kiến lưu hành ở chính quốc. Thật vậy, họ không phải là những thiên thần, nhưng chủ nghĩa anh hùng của họ đã xứng đáng với những truyền thống Pháp tốt đẹp nhất. Paul Granwin tóm tắt trong một công thức trạng thái tinh thần của họ như sau: "*Sự quyên mình, hy sinh, ý thức nghề nghiệp, coi thường hi sinh đã hòa nhập vào chỉ một chữ: phụng sự*". Vậy thì ai đã sai lầm? Hai bị can lớn, người này tựa vào vai người kia đã bị tố giác trong phần lớn sách này: giới chính trị, trí thức và báo chí, tất cả những xu hướng lẫn lộn với nhau, và dư luận Pháp đã chống đối và trong số lớn trường hợp lại lạnh nhạt. Roger Holeindre am tường đến chân tơ, kẽ tóc cái thế giới của các cựu chiến binh Đông Dương, đã đề tặng một trong cuốn sách của mình nhan đề *Mầm mống cơn giận dữ, cho những cựu chiến binh của đế chế đã dám làm và đã có thể chiến thắng, nếu hậu phương không phản bội họ*" ⁽⁵⁾.

Hậu phương: một từ rộng lớn, được các nhà chỉ huy trong mọi cuộc chiến tranh sử dụng, đã được tung ra.

Đã có như một ý đồ phục thù, ít nhất cũng bằng ngòi bút, chống lại *mở tap nham các nhà báo và cảnh sát hám tình*

⁽⁴⁾ *Cái tiêu lớn của người đi săn*, tên một tờ báo.

⁽⁵⁾ Paris, Ed. St. Just, 1963

dục, các quan chức cao cấp, các vị tướng không xứng đáng và những nhà chính trị bại hoại, như Lartéguy đã giận giữ viết về họ trong *Bách quân đội trưởng*⁽⁶⁾ cái thế giới Paridiêng nhỏ bé này đã nói, đã viết, đã đá kích, đã khiêu nại, suốt trong một thập kỷ trong khi binh lính đánh nhau, đã cho phép một cách hữu ý (những đảng viên cộng sản và đồng minh của họ) hoặc không hữu ý (những trí thức ít hay nhiều là những người trung lập, những tâm hồn lớn) chiến thắng của kẻ thù. Và để chống lại bọn con buôn chính trị đã để cho bọn họ tỏ bày ý kiến trong các chính phủ.

Còn ở đây nữa, một trong những quan chức nhà binh đầu tiên đã phát biểu ý kiến là tướng Navarre. Vị Tổng chỉ huy cuối cùng trong thời gian chiến tranh đã không thể xếp mình vào hàng đầu của dự định tự biện bạch.

Như người ta đã có thể chờ đợi, từ tháng 5 năm 1954, quân đội đã bị chế giễu trên báo chí, bị các nhà chính trị bỏ rơi, và gia đình họ cũng ít ủng hộ họ. Thống chế Juin hiểu biết quân đội khá tường tận, đã cảnh báo họ ngay sau khi trở về Pháp: *"Ông bạn đau khổ của tôi, Juin nói với Navarre, các bạn tự đặt mình trong những nệm giường đẹp! Đừng có ảo tưởng. Bọn đều căng ấy, chúng nó sẽ đổ vạ cho anh đấy"*⁽⁷⁾.

Mặc dù người ta biết rất rõ là tính từ chỉ phẩm chất thân ái này chỉ nói đến các nhà chính trị, hoặc một vài sĩ quan cao cấp hay là cho... cả hai. Tự Navarre

lại không hành động gì. Ông ta khẳng định, chẳng bao giờ nhận được sự chỉ đạo rõ ràng từ phía các nhà chính trị. Chỉ thị duy nhất của René Mayer nói trong lần trao đổi với Navarre để báo tin về sự bổ nhiệm ông là: *"Hãy tìm một lối thoát danh dự"*. Khi người ta biết đến những thực tiễn của nền đệ tứ cộng hoà thì không ai bị bất ngờ. Về phần Laniel, Bidault và Pléven, họ đã nhận chỉ thị tuỳ theo cấp bậc của họ. Luận đề trung tâm của Navarre là như sau: *"Tôi đã bố trí các đơn vị cho phép có được một sự ổn định tình hình nào đó, thậm chí thu xếp khả năng tiến hành một cuộc phản công. Nhưng trò chơi chính trị Pháp và quốc tế, Hội nghị Berlin, rồi đến tin đưa về Hội nghị Genève đã kích động Việt Minh (và hơn nữa, cả thế giới cộng sản) tìm kiếm một sự đương đầu toàn diện để chiếm đóng được nhiều đất đai nhiều hơn nữa. Nếu không có bối cảnh này mà Bộ tham mưu không dự kiến được khi "Kế hoạch Navarre" đã được dự kiến, Điện Biên Phủ đã giữ được vai trò của nó: chặn đứng con đường sang Lào, cầm chân kẻ thù."*

Như vậy, Điện Biên Phủ trước hết là một thất bại chính trị thuộc về các nhà chính trị.

Về việc này, Laniel đã có câu trả lời. Cuốn sách của ông xuất hiện mười tháng sau cuốn sách của Navarre. Tác phẩm này có nhiều lời buộc tội nặng nề. Navarre không chỉ chẳng có sự đoán gì về Điện Biên Phủ trong kế hoạch cơ bản của mình mà khi ông ta quyết định cho nhảy dù (xuống Điện Biên Phủ), ông ta cũng chẳng thông báo cho các nhà chức

⁽⁶⁾ Paris, Fr. De la Cité, 1960.

⁽⁷⁾ Georges Chaffard dẫn trong *Hồ sơ mật của phi thực dân hoá*.

trách sau đó. Lời buộc tội thứ hai: Navarre đã tự ý quyết định tập trung toàn bộ chiến lược của ông ta vào một cuộc đối đầu nghiệt ngã trong lòng chảo Điện Biên Phủ; ông ta đánh giá không đúng mối tương quan thực lực hai bên, một sự đánh giá mà ông ta phải chịu trách nhiệm duy nhất. Sự đánh giá quá cao các khả năng có trong tay, thiếu hiểu biết về các khả năng của kẻ thù, đó là hai tội cơ bản đối với một chỉ huy chiến tranh.

Như vậy, Điện Biên Phủ trước hết là một thất bại quân sự do các nhà quân sự gây nên. Một năm sau, báo cáo viên của Ủy ban điều tra, tướng Catroux (cựu Toàn quyền Đông Dương) đã đưa ra một phán xét trung dung. Không muốn bằng bất cứ giá nào làm cho hai bên đối lập nhau, ông ta ghi nhận những trách nhiệm hai bên cùng chia nhau. Nhà chính trị là một chứng cứ rõ ràng về sự vô trách nhiệm, gây nên sự thiếu thốn; nhà quân sự có phần nào phiêu lưu, đã không biết thu xếp các sự thiếu thốn.

Như vậy, Điện Biên Phủ đồng thời là một thất bại về chính trị và quân sự.

Nhưng phần vào đề này lại không là gì bên cạnh cuộc luận chiến sẽ lay động giới chính trị - quân sự - báo chí trong những năm 1963-1964, sau khi cuốn sách của Jules Roy được xuất bản. Được viết tốt, dẫn ra nhiều tư liệu, sách này tuy vậy có một thiếu sót: để giải quyết một cuộc thanh toán. Trong sự điên cuồng tìm ra một người chịu trách nhiệm, Roy đã tranh cãi quá mức và gây gổ một cách vô ích chống lại tướng Navarre được giới thiệu như một “sĩ

quan của văn phòng và của những công vụ bí mật... không có năng lực dẫn dắt binh sĩ”. Phán kết luận như quất mạnh vào Navarre: “Ông ta đã chơi đùa với những ý tưởng đúng và những quân tốt sai. Ngồi trên những nguyên tắc hợp lý, ông ta chỉ phạm những điều sai lầm”. Trái lại, Cogny lại được cảm tình của Roy (điều này có thể làm ngạc nhiên ai đó đã biết những chặng đường hoàn toàn đối lập nhau của hai người trong quá trình cuộc chiến tranh Algérie).

Năm 1965, chống lại quan điểm của Jules Roy, một nhân chứng lớn của chiến tranh đã lên tiếng, đó là nhà báo Georges Chaffard. Trong một chương sách “*Hồ sơ mật về sự giải thực dân hoá*”, ông từ chối việc la hét với bầy sói. “*Thật sự dễ dàng ném một con người ra làm mồi ngon cho dư luận! Thật là dễ dàng sáng suốt sau khi sự việc đã xảy ra!*”. Nhưng mà ai, Chaffard đặt câu hỏi, ở Pháp và cả ở Hợp chúng quốc, đã có ai công kích *Kế hoạch Navarre* vào cuối năm 1953 hay đầu năm 1954, trước cuộc tấn công lớn đầu tiên của Việt Minh? Tất nhiên không phải là các nhà chính trị, không phải là tướng Ely, Tổng tham mưu trưởng, trong chuyến đi thị sát Đông Dương vào tháng 2-1954. Cogny và Chaffard phê bình gay gắt, lại còn kém hơn. Nhưng phải kết thúc theo cách nói khoa học về vụ tranh cãi khô khan và dè tiện này.

Đó là kết quả, vì không phải là mục đích của công việc đã nêu lên của đại tá Rocolle. Lần đầu tiên trong việc biên chép lịch sử Điện Biên Phủ, có một tác giả đã không phán xét các con người mà

phân tích các tình huống. Nếu người ta suy nghĩ kỹ điều đó, sẽ thấy rằng trong lịch sử ít có những ví dụ mà một sự kiện lớn đã được phân tích, xay giã, nhanh chóng đến thế (1953-1967: mười ba năm). Đối với đại tá Rocolle, đó là một sức mạnh khác thường về tính cách, để không kể đến những cái được thua về quyền lực, những cuộc tranh cãi còn nóng bỏng và đưa công việc tới đích.

3. Dư luận ở chính quốc

Bối cảnh thân Pháp trong sự đối đầu Pháp - Việt là trung tâm, như một yếu tố có tính giải thích. Người ta không thể hiểu tầm rộng lớn của tiếng vang Điện Biên Phủ được cảm nhận như là một thất bại quốc gia hơn chỉ là một sự suy giảm quân sự bình thường, nếu ta không tính đến yếu tố đó.

Vì rằng, thật là ngược đời, vấn đề này lại ít được khoa tư liệu học lịch sử xử lý, nếu người ta loại trừ những lời dả kích ác ý chống lại sự mất lòng tin của công luận trong nhiều công trình *Hỏi ký*. Chỉ có 2 cuốn sách miêu tả những phản ứng của người Pháp ở chính quốc (chính trị gia, nhà báo, trí thức, dân đường phố). Khi đối mặt với sự kiện Điện Biên Phủ: cuốn sách được viết năm 1986 bởi Alain Ruscio và bộ sưu tập tư liệu công bố vào năm 1991 bởi Jacques Dalloz.

"*Cuộc chiến tranh Đông Dương không được lòng dân. Thật đúng vậy*", đó là lời thú tội trong một lúc thành khẩn của Thủ tướng Laniel tại Quốc hội ngày 27-10-1953, một tháng trước khi quân Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Hướng chỉ là sau khi bại trận: "*Thật là một bất*

hạnh lớn cho một đất nước bị chia rẽ trên câu hỏi về việc bảo vệ quyền lợi của đất nước. Và công luận Pháp, như người ta biết, đã bị chia rẽ sâu sắc. Quốc hội chỉ có một việc là phản chiếu lại tình trạng thực tế này. Chiến tranh kéo dài, tầm quan trọng của những hi sinh mà chiến tranh đòi hỏi, đã gây nên một sự mệt mỏi mà bộ máy tuyên truyền của đôi phương đã khai thác một cách rất tốt đẹp", đó là lời bình luận của Laniel trong *Hỏi ký* của ông ta.

Bạn có biết rằng cuộc chiến ở Đông Dương *không bao giờ* được đa số dư luận ủng hộ, một trường hợp có thể là duy nhất của lịch sử nước Pháp. Cuộc chiến này chỉ kiếm được 37% người Pháp ủng hộ trong tháng 7-1947, khi cuộc chiến tranh mới mở rộng. Sau đó, tỷ lệ này thường xuyên hạ xuống, như vào tháng 10-1950 khi bắt đầu cuộc đối đầu gây ấn tượng mạnh đầu tiên tỷ lệ ấy chỉ còn 27%, đến tháng 5-1953 còn 21% và cuối cùng vào tháng 2-1954, trước trận đánh Điện Biên Phủ: tỷ lệ ấy chỉ còn 8%.

Một cuộc thăm dò khác tiến hành vào tháng 8-1953 về những kết quả của Hội nghị Genève cho thấy có một sự tán thành sâu sắc đối với chính sách *Bước đầu thuyết phục của Mendès*, 58% cho rằng các điều kiện là thuận lợi trong tình hình bấy giờ, 8% còn đi tới những đánh giá tuyệt vời! Chỉ có 11% người Pháp coi Genève là một sự đầu hàng [1].

Có một sự thật không thể nào chối cãi rằng một bộ phận nước Pháp đã khóc khi biết tin mất Điện Biên Phủ. Báo chí bấy giờ (trong mọi trường hợp là đa số

các tờ báo) đã mô tả một đám tang gần như là quốc tang. Rất nhiều nhân chứng hồi đó đến tận bây giờ vẫn còn giữ trong ký ức mình sự xúc động, nỗi đau khổ cảm nhận được trong ngày 7-5-1954.

Nhưng sự thật buộc phải nói rằng, còn xa mới là tình trạng chung. Người ta nhanh chóng bước qua những việc khác. Người ta có quyền, nếu gắn mình vào một ý tưởng nào đó của nước Pháp, một nước lớn mạnh bởi đế chế của mình, cao thượng bởi lịch sử hải ngoại của mình, để tiếp nhận thái độ này như một sự an ủi hèn nhất. Nhưng những con số còn đó.

Người ta có thể thương xót, nhưng không thể quyên chúng.

Trái lại với những điều đã viết đây đó, không phải là Mendés France đã đưa đất nước đến hoà bình, mà chính là đất nước đã đưa đường lối chính trị của nước Pháp cho Mendés.

4. Chiến dịch "Điều hầu"

Người ta tìm thấy trong các công trình hồi ký của Bidault, Laniel, Navarre hay Ely những thông tin về chính sách của các đồng minh của Pháp, đặc biệt là về phía Hoa Kỳ. Đặc biệt là vị thủ tướng tiền nhiệm đã miêu tả những cuộc mặc cả giữa Paris, London và Washington để cứu lấy cứ điểm Điện Biên Phủ.

Phải đợi chờ đến năm 1960 và cuốn sách "*Sự kết thúc một cuộc chiến tranh*" của Devillers và Lacouture mới có được một chuyện kể đầu tiên khá đầy đủ được xem xét trong mọi trường hợp về phía Pháp, về cuộc khủng hoảng vào mùa

xuân năm 1954 này⁽⁸⁾. Nhiều thông tin được xác nhận và được nhiều ấn phẩm sau đó bổ sung: như công trình của Jules Roy và của Bernard Fall đã trích dẫn từ hai công trình đó. Nhất là việc khai thác các nhân chứng hàng đầu, việc mở hồ sơ lưu trữ đã cho phép mang nhiều điều chính xác nữa. Năm 1989, một hội thảo Pháp - Mỹ là một cơ hội để xác định vấn đề. Trong một tham luận kết hợp được chú ý, nhà sử học Laurent Césari và nhà ngoại giao Jacques de Folin tại cuộc hội thảo đó đã khẳng định rằng, *chiến dịch Điều hầu là cần thiết về mặt quân sự nhưng không thể thực hiện được về mặt chính trị* ⁽⁹⁾.

Cuối cùng, dưới ánh sáng của giai đoạn này, liệu người ta có thể khẳng định được rằng, Điện Biên Phủ trận đánh cuối cùng của Pháp ở Đông Dương, đồng thời là bước đi đầu tiên của Mỹ vào trong một cuộc chiến tranh sẽ trở thành một cuộc chạy đua vào vực thẳm? Bernard Fall, là người ngay từ gốc rễ của mình là nhà sử học, gạch nối giữa hai cuộc xung đột, đã không ngần ngại gì khi viết: "*Điện Biên Phủ là một chiến thắng quân sự của Việt Minh đối với người Pháp, mà còn là một chiến thắng chính trị của Việt Minh đối với Hoa Kỳ*"

5. Nghiên cứu đôi phương

Cuối cùng, cần tự hỏi về một sự im lặng lạ kỳ của sử liệu học Pháp. Dưới

⁽⁸⁾ Trước khi cuốn sách của Devillers - Lacouture ra đời, nhiều tác phẩm, nhất là trên báo chí Mỹ, đã tiết lộ kế hoạch chiến dịch Điều hầu.

⁽⁹⁾ Dự án Điều hầu ở Pháp, một sự cần thiết quân sự, bất khả thi về mặt chính trị, trong Artaud Denise, L. Kaplan và. *Điện Biên Phủ đồng minh Đại Tây Dương và cuộc bảo vệ Đông Nam Á*.

dạng một công thức mà người ta có thể tóm tắt lại *thế còn đôi phương?*

Cần hiểu biết rằng không dễ gì tìm kiếm được những phân tích khái quát thật lòng, về hệ thống Việt Minh, về hệ tư tưởng và tổ chức của nó... trong sử liệu học Pháp. Trong một thời gian dài, trong những công trình nghiên cứu của Pháp, đối phương không phải là chủ đề lịch sử, lại càng không phải là đối tượng của lịch sử. Nhiều câu hỏi, tuy rằng là trọng tâm, ít khi được đặt ra: động cơ chính của đối phương chúng ta là gì? Tại sao chúng xuất hiện? Chúng ta và quân đồng minh Bảo Đại của chúng ta, như một sự trở ngại cho sự biểu hiện một cách tự nhiên tinh thần dân tộc Việt Nam? Tại sao Việt Minh lại thu được hay nắm bắt được thắng lợi (tùy theo các sự phân tích)?

Người ta thấy đấy không phải là người câu hỏi thứ yếu!

Nói một cách khác: Người Pháp trong cuộc chạy mệt mỏi của họ đi tìm những người chịu trách nhiệm về cuộc thất bại trong nước Pháp lại quên mất một chi tiết. Có một phe khác. Ai đã chứng minh, từ năm 1960 đến năm 1975, rằng họ có khả năng chấp nhận những thách thức quân sự khác...

Nói rằng sự kiện đó thường vắng mặt trong mục lục sử liệu sẽ là quá đáng. Nhưng người ta lại thường cần đến các bản in.

Chúng không phải là những con người đang sống. Chúng không có đặc tính riêng khi người ta đã biết được một tư liệu là người ta sẽ hiểu tất cả.

Họ không phải là những người yêu nước, vì họ là những người cộng sản: "*Tôi không chiến đấu chống lại một người yêu nước da vàng, tôi chống lại một người đờ*". Michel Tauriac đã cho một nhân vật cuốn chuyện của mình: "*Cái hồ*"⁽¹⁰⁾ nói như vậy.

Nói tóm lại, họ là *bọn Việt*, một từ ngữ có tính miệt thị.

Một văn bản như vậy có thể nào cho phép đem lại sự hiểu biết về kẻ thù? người ta có thể có lý do để chính thức nghi ngờ. Từ việc này, độc giả trung bình sẽ khó hiểu rằng, họ đã có vấn đề về ai, để những cỗ máy chính trị, tinh thần của hệ thống và quân đội Việt Minh.

Hắn là vẫn có những nhà quan sát đang tiếp cận vấn đề này. Toàn bộ trường phái các nhà lịch sử quân sự chuyên nghiệp nghiên cứu chiến tranh cách mạng (đại tá Lacheroy, đại tá Trinquier, tướng Chassin...) ngay cả khi trường phái này không chuyên khảo về Điện Biên Phủ, cũng đã cung cấp được một danh mục tư liệu phong phú. Nhưng đội ngũ này chủ yếu đã chuyên tâm thủ phân tích, rồi áp dụng một *kỹ thuật* thuyết giáo quân chúng mà không tiến hơn lên trong nghi vấn *chính trị*. Bằng một công thức, người ta sẽ nói rằng trường phái này đã thử miêu tả "*Thế nào là cuộc thắng lợi của Việt Minh*" nhưng nó lại không bao giờ đánh liều - hoặc là họ không biết cách để cập tới vấn đề "*Tại sao*"

⁽¹⁰⁾ *Dự án Diều hâu ở Pháp*, một sự cần thiết quân sự, bất khả thi về mặt chính trị, trong Artaud Denise, L. Kaplan, đđ.

Thế mà, về phần mình, tôi đã dựng lại những phân tích độc đáo, khác hẳn với bài diễn văn truyền thống của hệ thống sử liệu học này. Tôi sẽ chỉ kể một ví dụ của đại tá Langlais, người đã viết trong cuốn *Hồi ký* của mình: “*Cuộc chiến tranh Đông Dương là một cuộc chiến tranh vì độc lập chống lại nước Pháp và, nếu công cụ của chiến đấu được rèn đúc bởi những phương pháp mác-xít, thì cũng chẳng có gì đúng hơn là những người lính Việt Minh, và với bao can đảm, đã xung phong tiến công vào các vị trí của chúng ta tại Điện Biên Phủ, họ chiến đấu để đuổi chúng ta ra khỏi cửa nhà họ, nơi mà không phải nhà của chúng ta*”. Đối phương đã có một niềm tin, dù đó là “*niềm tin của người đốt than*”⁽¹⁾.

Còn chúng ta? “*Chúng ta không chiến đấu để bảo vệ tổ ấm của chúng ta, chúng ta không chiến đấu để đánh đuổi người nước ngoài ra khỏi nước ta, chúng ta cũng không còn chiến đấu để giữ Đông Dương cho nước Pháp. Vậy thì tại sao? Danh dự của nghề binh - và đó là tất cả*”.

Câu kết luận phần nào không tôn trọng truyền thống, được viết vào năm 1963. Người Mỹ sẽ khôn ngoan hơn nếu đọc câu kết luận ấy và suy ngẫm về câu kết luận ấy trước khi đặt những ngón tay vào mớ bong bóng.

Điều đó hình như khó chấp nhận cho người Pháp, nhưng công trình đầy tham vọng nghiên cứu tổng thể về Việt Minh để tìm câu giải thích chứ không phải để tố cáo, chỉ xuất hiện vào năm 1960... lại do một người Pháp sống ở Mỹ ký tên, nói

cách khác là một người Pháp - Mỹ, đó là Bernard Fall [6]. Còn về nhân vật nổi tiếng nhất của quân đội Việt Nam, Võ Nguyên Giáp, ta phải chờ 20 năm sau Điện Biên Phủ, để có được người viết tiểu sử của ông: một nhà báo Pháp gốc Việt, Gérard Lê Quang đã công bố công trình đầu tiên vào năm 1973 [5].

Còn đó, cũng không cần đánh roi hành mình một cách không có lý do một khuyết điểm về phía Pháp khá nặng nề, tôi thấy như vậy. Người Mỹ, là người mà người ta có thể chê trách dẫu đó hàng ngàn chuyện, họ còn có trong cuộc chiến của họ ở Việt Nam, hàng trăm ấn phẩm về Việt Cộng.

Sự im lặng công khai đó còn gây nhiều thiệt hại hơn nếu ngày nay người ta hiểu rõ hơn rằng nhiều người đương thời biết chính xác duy trì cuộc chiến này để làm gì. Chỉ cần đọc, ví dụ, những bài báo tổng kết các cuộc trao đổi thường xuyên tiến hành của Tổng thống Auriol với những người Pháp có trách nhiệm quyết định, các nhà chính trị cũng như các nhà quân sự. Hơn nữa, việc tham khảo các hồ sơ lưu trữ như ở Vincennes hoặc Aix, cho phép tìm thấy những công trình nghiên cứu thời đó với một độ chính xác đặc biệt, một sự sáng suốt không thể chối cãi.

Vậy thì sẽ có hai chân lý không?

III. Kết luận

Để kết luận, tôi lấy lại nhan đề luận văn của Đại tá Rocolle: “*Tại sao Điện Biên Phủ*”.

Trong lịch sử, không bao giờ chỉ có một nguyên nhân. Nhưng có một điều

⁽¹⁾ Ý nói như ngọn lửa than hồng cháy âm ỉ mà bền vững.

chắc chắn: Khi một thất bại có những tác động quân sự, tâm lý, chính trị như vậy, đó là một biểu lộ của một sự bất ổn sâu sắc, một cuộc khủng hoảng của hệ thống.

Cũng không phải là tinh thần yếu kém của hậu phương, sự nhu nhược của các nhà chính trị, sự bất lực của quân nhân Pháp này hay quân nhân khác, không phải sự can thiệp của Trung Quốc hay của Liên Xô, không phải sự bỏ rơi của nước Anh, không phải là sự thận trọng của nước Mỹ đã gây nên cuộc thất bại cuối cùng của nước Pháp ở Đông Dương.

Đó là ngọn gió của lịch sử. Ngọn gió đó trong trường hợp này được gọi là sự phi thực dân hoá.

Để kết luận bằng một công thức cho bản tường trình này, tôi lấy lại một câu nói mạnh mẽ của Montesquieu: "*Nếu sự ngẫu nhiên của một trận đánh, nghĩa là một nguyên nhân đặc biệt làm xói mòn một Nhà nước thì lại có một nguyên nhân chung làm cho Nhà nước này phải tan rã chỉ bởi một trận đánh mà thôi*".

câu trên trích ở sách "*Bàn về các nguyên nhân của sự vinh quang và sự suy tàn của người La Mã*".

Đó là câu nói cuối cùng của luận văn của Đại tá Rocolle.

Cũng sẽ là câu cuối cùng của tôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Ruscio, Dư luận Pháp và cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954) - thăm dò và suy nghĩ thế kỷ XX, *Tap chí Lịch sử Pháp*, số 29-1 đến tháng 3-1991
2. *Chiến binh trong bùn lầy*, (SOS Bắc Kỳ), Paris, A. Martel, 1954
3. Edgar Faure, *Bao giờ cũng có lý... đấy là sai lầm lớn*, Paris, Plon, 1982
4. Georges Bidault, *Từ một cuộc chiến này sang một cuộc chiến khác*, Paris, Presse du Siècle, 1965
5. *Giáp hay là cuộc chiến tranh nhân dân*, Paris, Denoël, 1973
6. *Việt Minh - Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà*, Paris, A., Colin, 1960.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XX, N.2, 2004

DATA HISTORY AND DIEN BIEN PHU: HALF A CENTURY OF COLLECTION AND ARGUMENT

Dr. Alain Rucio

*Doctor of History,
Chairman of Documentation Center of Modern Vietnam (France)*

The paper provided a general view about data history situation in France in the last 50 years dated from its defeat in Dien Bien Phu Campaign in 1945.

According to the statistics, there have been 73 works of 65 authors on Dien Bien Phu Subject, an average of 1.46 bookheads a year, remarkably 23 publications in the 1990s, 22 in the 1960s and 1970s. Servicemen accounted for 11 people among such authors, reporters: 11, historians: 10, politicians: 4, writers and poets: 11. Among the publications, there were also some memoirs of commanders and officers who used to take part in the campaign, and of some military reporters. Historians, writers and politicians were few in this subjects.

The contents of the works laid emphasis on the importance of the defeat, arguing about its responsibilities, public opinions in France about the defeat and researches on the enemy.

The paper concluded with an assessment on the reasons of France's defeat in Dien Bien Phu Campaign. It was not only because of the specific weakness of French political and military circles, nor the strength of its enemy in terms of defending spirits for national liberation in the supports of socialist countries, but also and more generally, of the fact that France could not conceal its profound diversification - a crisis in system, and of "the historical gust of wind", in this case so-called "the decolonialisation"